TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:150/2019/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2019
V/v tranh chấphợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Thanh Long.

2. Ông Phạm Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânthànhphố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:100/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019,giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Tuyết X.

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn H.

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3. *Người làm chứng*:

- Ông Đặng Văn K.

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

- Ông Đặng Thanh H1.

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

- Ông Dương Văn T.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết X trình bày: Vào tháng 02/2019, bà có thỏa thuận với ông Lâm Văn H: bà dẫn ông H đi mua mía,ông H đưa tiền cho bà để trả cho bên bán mía và bà được hưởng hoa hồng 10 đồng/kg, cụ thể, bà có dẫn ông H đi mua mía của những người sau đây:

- Mua của ông Dương Văn T tổng số mía là 63.692kg x 650đồng/kg = 41.399.000 đồng, ông H đặt cọc cho ông T là 5.000.000 đồng, khi cân mía xong ông H đưa thêm cho ông T 20.000.000 đồng, còn nợ số tiền 16.399.000 đồng.

- Mua của ông Huỳnh Văn B tổng số mía là 51.771kg x 650đồng/kg= 33.651.000 đồng. Ông H đặt cọc cho ông B là 5.000.000 đồng, khi cân mía xong ông H còn nợ số tiền 28.651.000 đồng.

- Mua của ôngĐặng Văn Khải tổng số mía là 105.764kg x 650đồng/kg = 69.379.000 đồng (trong đó, có một số lượng mía tính giá là 670 đồng/kg). Ông H đưa trước cho ông K là 30.000.000 đồng, khi cân mía xong, ông H còn nợ số tiền 39.397.000 đồng.

- Mua của ôngĐặng Thanh Hải tổng số mía là 59.649kg x 600đồng/kg = 35.790.000 đồng, ông H đặt cọc cho ông H1 là 5.000.000 đồng, khi cân mía xong, ông H đưa thêm cho ông H1 là 20.000.0000 đồng. Ông H còn nợ số tiền 10.790.000 đồng.

Như vậy, ông H đã mua tổng cộng 280.880 kg mía, tương đương với số tiền là 180.219.000 đồng. Ngoài ra, ông H còn phải trả tiền hoa hồngcho bà.Tổng cộng tiền mua mía và tiền hoa hồng là 182.000.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu đồng).

Sau khi mua bán mía xong, ông H đã chở mía về giao cho nhà máy đường Vị Thanh ở phường VII, thành phố Vị Thanh. Sau đó, ông H đích thân chuyển tiền trả cho bà 47.000.000 đồng, ông H nhờ bà Liễn (chủ đại lý mía) chuyển trả 20.000.000 đồng. Đối với phần nợ còn lại là 28.237.000 đồng, bà đã thanh toán đủ tiền cho bên bán mía. Cộng với tiền hoa hồng ông H phải chi trả cho bà thì ông H còn nợ lại bà số tiền 31.237.000 đồng. Bà thường xuyên yêu cầu ông H phải trả nhưng ông H vẫn không chịu trả cho bà.Do đó, đến tháng 4 năm 2019, bà có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả lại số tiền còn nợ là 31.237.000 đồng. Tại phiên hòa giải, bà thấy ông H làm ăn thua lỗ nên chỉ yêu cầu ông H trả lại số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lâm Văn H trình bày: Bà X là người dẫn ông đi mua mía và đứng ra trả tiền cho các hộ dân.Ông thừa nhận có mua mía của bốn hộ dân là ông T, ông B, ông K và ông H1 với khối lượng và giá tiền như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Cụ thể, ông có mua tổng cộng 280.880 kg mía, tương đương

với số tiền là 180.219.000 đồng; Ngoài ra, ông còn phải trả tiền hoa hồng cho bà X, tính chung tổng cộng tiền mua mía và tiền hoa hồng là 182.000.000 đồng. Ông đã trả đủ tiền cho bà X với số tiền là 182.000.000 đồng (trong đó, có 15.000.000 đồng là tiền đặt cọc; trả tiền cho ông T là 20.000.000 đồng; trả tiền cho ông K và ông H1 là 50.000.000 đồng, nhờ bà Liễn trả 20.000.000 đồng và chuyển cho bà X 47.000.000 đồng, ngoài ra, ông còn đưa cho bà X 30.000.000 đồng tại nhà của bà X). Tuy nhiên, không có ai chứng kiến việc ông có đưa cho bà X số tiền 30.000.000 đồng tại nhà bà X, giữa ông H và bà X cũng không có làm văn bản hay giấy tờ gì. Do ông đã trả đủ số tiền mua mía cho bà X nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Xchỉ yêu cầu ông H trả lại số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Ông H trình bày: Ông vẫn giữ nguyên ý kiến đã trả đủ số tiền mua mía cho bà X nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụngtrong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ pháp luật:* Bà Hồ Thị Tuyết X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Văn H trả số tiền 31.237.000 đồng còn nợ từ hợp đồng mua bán mía nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Lâm Văn H cư trú tại khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]*Về số tiền còn nợ từ Hợp đồng mua bán mía:*Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông H đều trình bày thống nhất bà X có dẫn ông H đi mua mía của ông T, ông B, ông K và ông H1. Đồng thời, có thỏa thuận ông H sẽ đưa tiền cho bà X để bà X trả tiền cho những người nêu trên. Ông H thừa nhận có mua tổng cộng 280.880 kg mía (tương đương với số tiền là 180.219.000 đồng) và trả tiền hoa hồngcho bà X, tổng cộng tiền mua mía và tiền hoa hồng là 182.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng đã trả đủ số tiền là 182.000.000 đồng cho bà X. Tuy nhiên, bà X chỉ thừa nhận ông H có trả 152.000.000 đồng với các lần đưa tiền cụ thể như sau: tiền đặt cọc là 15.000.000 đồng; trả tiền cho ông T là 20.000.000 đồng; trả tiền cho ông K và ông H1 là 50.000.000 đồng, nhờ bà Liễn trả 20.000.000 đồng và chuyển trả cho

bà X 47.000.000 đồng. Ngoài ra, ông H trình bày có đưa cho bà X 30.000.000 đồng tại nhà của bà X, tuy nhiên, không có ai chứng kiến, không có làm văn bản hay giấy tờ gì, trong khi đó, bà X cũng không thừa nhận có việc trả số tiền trên. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự "*đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xem xét chấp nhận ý kiến của bị đơn ông Lâm Văn H. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà X chỉ yêu cầu ông H trả số tiền 30.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà X và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết Xvề việc buộc ông Lâm Văn H phải trả số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] *Về lãi suất:*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà X không yêu cầutính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Do các đương sự trình bày thống nhất là đã trả tiền đầy đủ cho bên bán mía là ông Dương Văn T, ông Huỳnh Văn B, ông Đặng Thanh H1, ông Đặng Văn K và không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với những ngườinêu trên. Đồng thời, người làm chứng ông Dương Văn T, ông Đặng Thanh H1, ông Đặng Văn K đều trình bày thống nhất đã nhận đủ tiền mua bán mía và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Trường hợp ôngDương Văn Tào, ông Huỳnh Văn B, ông Đặng Thanh H1, ông Đặng Văn Kcó tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông H phải chịu án phí là 1.500.000 đồng.

[7] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều440, Điều 468Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Tuyết X. Buộc ông Lâm Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Tuyết X số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Lâm Văn H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìnđồng). Bà Hồ Thị Tuyết X được nhận lại 780.925 đồng (bảy trăm tám mươi nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai số 0020386 ngày 03tháng 06 năm 2019 của Chi cục thi hànhán dân sự thành phố Vị Thanh.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm2015.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Xuân Tình